TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số : 1606/2018/HNGĐ-ST
Ngày : 22/11/2018
V/v : "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Phạm Thị Minh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân : 1/- Bà Nguyễn Thị Xuyến
2/- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa : Ông Lê Anh Quân - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện VKSND Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa :
Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 927/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 380/2018/QĐXX-DS ngày 11 tháng 10 năm 2018 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 460/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn : Ông Nhâm Sỹ T.
Địa chỉ : số 123 đường N, Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
(*Có mặt*)

Bị đơn : Bà Đỗ Thị Mỹ L
Địa chỉ : số 123 đường N, Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
(*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 25/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nhâm Sỹ T trình bày : Ông và bà Đỗ Thị Mỹ L tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 4 năm 2012 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 01/2012. Quá trình chung sống không có con chung. Thời gian đầu chung sống bình thường, sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông và bà L đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Do nơi làm việc xa ông không thường xuyên về nhà nên vợ chồng không có điều kiện chăm sóc, quan tâm đến nhau; tình cảm ngày càng lạnh nhạt vì vậy hai bên đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Tháng 5/2018, cả hai nộp đơn thuận tình ly hôn tại tòa án nhưng sau đó đã rút đơn để hàn gắn lại, tuy nhiên đến nay không đạt kết

quả, mâu thuẫn trầm trọng hơn. Trước đây mỗi tháng ông về nhà một đến hai lần, khoảng 01 năm trở lại đây ông không về nữa mà ở hẳn nơi làm việc tại Bình Phước. Nay nhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung : Không có.

Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 17 tháng 9 năm 2018 bị đơn bà Đỗ Thị Mỹ L trình bày: bà và ông T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 4 năm 2012. Quá trình chung sống không có con chung. Theo bà trong quá trình chung sống vợ chồng có hạnh phúc, do ông T công tác xa nên mỗi tháng về nhà khoảng một đến hai lần. Cách đây 01 năm do ông Toản có người phụ nữ khác nên yêu cầu ly hôn, bản thân bà nhận thấy mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng nên bà không đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung : Không có.

Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay :

Nguyên đơn ông Nhâm Sỹ T yêu cầu ly hôn; về con chung không có; không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Bị đơn bà Đỗ Thị Mỹ L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến : Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định của pháp luật; Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1]. *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng :*

- Nguyên đơn ông Nhâm Sỹ T yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Đỗ Thị Mỹ L có nơi cư trú và hiện đang sinh sống tại Quận 3, do đó căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

- Bị đơn bà Đỗ Thị Mỹ L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập tham gia phiên hòa giải nhưng không có mặt nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo qui định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Bị đơn bà Đỗ Thị Mỹ L đã được đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2]. *Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy :*

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 4 năm 2012 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa ông Nhâm Sỹ T và bà Đỗ Thị Mỹ L là hợp pháp.

[2.1]. *Xét yêu cầu ly hôn :*

- Tại Bản tự khai bà Đỗ Thị Mỹ L xác nhận từ khi kết hôn do ông T công tác tại Bình Phước và sống trong công ty một tháng ông T về nhà từ một đến hai lần, khoảng 01 năm trở lại đây ông T có người phụ nữ khác nên yêu cầu ly hôn. Tuy bà L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến nỗi to tiếng, đánh nhau gây mất trật tự nhưng thực tế hai bên không có điều kiện sống chung thường xuyên để thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Bà L đã được thông báo tham gia phiên hòa giải nhưng không đến tòa án, như vậy thể hiện không quyết tâm hàn gắn gia đình, không còn tha thiết với cuộc hôn nhân của mình. Theo lời khai của bà L thì ông T còn có tình cảm với người phụ nữ khác cho thấy vợ chồng không chung thủy với nhau, vi phạm về quyền và nghĩa vụ vợ chồng quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Xét, tại Quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự số 518/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ông Nhâm Sỹ T và bà Đỗ Thị Mỹ L đã phát sinh mâu thuẫn từ trước đó và cùng nộp đơn yêu cầu giải quyết việc "Thuận tình ly hôn" nhưng tự nguyện rút yêu cầu. Nay ông T tiếp tục xin ly hôn, như vậy cho thấy từ thời điểm đó đến nay hai bên không thể hòa giải, hàn gắn được, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng.

- Căn cứ kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận P thì từ năm 2017 đến nay ông T không còn cư trú tại số 123 đường N, Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét, lời khai của nguyên đơn ông T tại bản tự khai, các biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm về việc mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hai bên đã sống ly thân và không có khả năng hàn gắn là phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án do đó yêu cầu ly hôn của ông T là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, xét mâu thuẫn giữa ông T và bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[2.2]. Về con chung : Không có.

[2.3].Về tài sản : Các đương sự không tranh chấp về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí : Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành

kèm theo) thì ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nhâm Sỹ T.

- *Về hôn nhân :* Ông Nhâm Sỹ T được ly hôn với bà Đỗ Thị Mỹ L.

- *Về con chung :* Không có

- *Về tài sản :* Không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về án phí : Ông Nhâm Sỹ T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014003 ngày 06/7/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Ông T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo :

Ông Nhâm Sỹ T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đỗ Thị Mỹ L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Minh Thảo